

CÔNG TY TNHH QUỸ ĐẦU TƯ SAC CAPITAL VN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH QUỸ ĐẦU TƯ SAC CAPITAL VN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAC CAPITAL VN INVESTMENT FUND COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SAC CAPITAL VN INVESTMENT FUND CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110346466

3. Ngày thành lập: 10/05/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 4 Ngõ 8 Đường Hoàng Liệt, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0334350398

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (Trừ kinh doanh dịch vụ phòng cháy chữa cháy)	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (Trừ kinh doanh dịch vụ phòng cháy chữa cháy)	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng (Trừ kinh doanh dịch vụ phòng cháy chữa cháy)	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Trừ kinh doanh dịch vụ phòng cháy chữa cháy)	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Trừ kinh doanh sản phẩm thuốc lá, nguyên liệu thuốc lá, máy móc, thiết bị thuộc chuyên ngành thuốc lá; Kinh doanh thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi; kinh doanh giống cây trồng vật nuôi;	4620
7.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
8.	Bán buôn thực phẩm (Trừ xuất khẩu gạo)	4632
9.	Bán buôn đồ uống (Trừ kinh doanh rượu)	4633
10.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép (Trừ kinh doanh quân trang, quân dụng)	4641

11.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ hoạt động phát hành xuất bản phẩm, bản phẩm điện tử; Hoạt động nhập khẩu xuất bản phẩm, xuất bản phẩm điện tử để kinh doanh)	4649
12.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
13.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Trừ Kinh doanh thiết bị, phần mềm nguy trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị; Kinh doanh thiết bị gây nhiễu, phá sóng thông tin di động)	4652
14.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ bán buôn súng)	4659
16.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Trừ kinh doanh xăng dầu)	4661
17.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng)	4662
18.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Trừ kinh doanh sản phẩm amiang trắng)	4663
19.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ kinh doanh sửa chữa công cụ hỗ trợ; Kinh doanh thiết bị, phương tiện vật tư phòng cháy, chữa cháy)	4669
20.	Dịch vụ đóng gói	8292
21.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Trừ đấu giá)	8299
22.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
23.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
24.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
25.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
26.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
27.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư (Không bao gồm hoạt động Hoạt động tư vấn và môi giới thế chấp, Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm, Hoạt động quản lý quỹ)	6619(Chính)
28.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	6810

29.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Trừ đấu giá)	6820
30.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
31.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
32.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Trừ phòng cháy chữa cháy)	7110
33.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
34.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
35.	Bán buôn tổng hợp	4690
36.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ kinh doanh thức ăn thủy sản)	4711
37.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
38.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
39.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
40.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
41.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
42.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
43.	In ấn (trừ in bao bì)	1811
44.	Dịch vụ liên quan đến in (trừ rập khuôn tem)	1812
45.	Sao chép bản ghi các loại	1820
46.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
47.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
48.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
49.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
50.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
51.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (trừ sản xuất vàng, trang sức mỹ nghệ)	2420
52.	Đúc sắt, thép	2431
53.	Đúc kim loại màu (trừ đúc tiền, vàng)	2432
54.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
55.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại trừ sản xuất chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng)	2512

56.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
57.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
58.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
59.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
60.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn	2599
61.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
62.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
63.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
64.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
65.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
66.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
67.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đấu giá)	4791
68.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ kinh doanh theo phương thức đa cấp, trừ đấu giá)	4799
69.	Vận tải hàng hóa đường sắt (Trừ vận tải quân trang, quân dụng)	4912
70.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
71.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
72.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
73.	Vận tải hành khách đường bộ khác (Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh)	4932
74.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Trừ vận tải quân trang, quân dụng)	4933
75.	Vận tải đường ống (Trừ vận tải xăng dầu)	4940
76.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (Trừ vận tải quân trang, quân dụng)	5012
77.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (Trừ vận tải quân trang, quân dụng)	5022
78.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
79.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
80.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (Trừ Kinh doanh dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải, cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải; Kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển)	5222

81.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không (Trừ kinh doanh hàng miễn thuế; kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay; Kinh doanh cảng hàng không, sân bay)	5223
82.	Bốc xếp hàng hóa (Trừ kinh doanh khai thác cảng biển; Kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay)	5224
83.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
84.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
85.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
86.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
87.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
88.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
89.	Xây dựng nhà để ở	4101
90.	Xây dựng nhà không để ở	4102
91.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
92.	Xây dựng công trình điện	4221
93.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
94.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
95.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
96.	Xây dựng công trình thủy	4291
97.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
98.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
99.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
100.	Phá dỡ (trừ phá dỡ tàu biển đã qua sửa dụng, phá dỡ bom mìn)	4311
101.	Chuẩn bị mặt bằng (trừ kinh doanh dịch vụ nổ mìn)	4312
102.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
103.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
104.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ kinh doanh, sửa chữa công cụ hỗ trợ; Kinh doanh súng; Kinh doanh vàng)	4773

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN VĂN THUẬN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 28/05/1993 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 026093001531

Ngày cấp: 07/06/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Đội 8, Thị Trấn Thổ Tang, Huyện Vĩnh Tường, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Đội 8, Thị Trấn Thổ Tang, Huyện Vĩnh Tường, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN THUẬN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 28/05/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 026093001531

Ngày cấp: 07/06/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Đội 8, Thị Trấn Thổ Tang, Huyện Vĩnh Tường, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Đội 8, Thị Trấn Thổ Tang, Huyện Vĩnh Tường, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội